

Số: 1244/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành **Kinh tế thủy sản** (thuộc ngành **Kinh tế**, mã số: 7310101).

**Điều 2.** Giao Khoa Kinh tế quản lý chương trình đào tạo này.

**Điều 3.** Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

**Điều 4.** Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *chuu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.





# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## NGÀNH: KINH TẾ THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHNT ngày 8 tháng 1 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
b) Tên chương trình	Kinh tế thủy sản
c) Ngành đào tạo	Kinh tế
d) Mã số ngành đào tạo	7310101
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kinh tế
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

### II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế, quản lý để vận dụng vào lĩnh vực thủy sản;
- PEO3: Có kỹ năng phân tích hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong ngành thủy sản, phân tích chính sách phát triển ngành thủy sản;
- PEO4: Có khả năng tự khởi nghiệp, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng.

#### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)			
	1	2	3	4
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x			
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x		
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp			x	x
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x	x		x

### III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kinh tế thủy sản, sinh viên có khả năng:*

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế và quản lý vào lĩnh vực thủy sản;
5. PLO5: Đánh giá hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản;
6. PLO6: Đánh giá chính sách trong lĩnh vực thủy sản;
7. PLO7: Nhận diện và phân tích các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực thủy sản;
8. PLO8: Đánh giá cơ hội và thách thức đối với phát triển của ngành thủy sản trong bối cảnh hội nhập;
9. PLO9: Thể hiện được năng lực khởi nghiệp, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng;
10. PLO10: Trách nhiệm xã hội và chuẩn mực đạo đức trong hoạt động chuyên môn của ngành.

#### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x						x	x
2		x		x	x	x	x	x		
3				x	x	x	x	x		
4			x					x	x	x

### IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

*Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Kinh tế thủy sản có thể đảm nhiệm các công việc:*

1. Nhân viên/quản lý thuộc bộ phận hành chính, kinh doanh, tiếp thị, nghiên cứu thị trường, thu mua vật tư thiết bị,... tại các tổ chức/doanh nghiệp, đặc biệt là các tổ chức/doanh nghiệp trong ngành thủy sản;
2. Nhân viên/chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về ngành thủy sản;

3. Nhân viên/chuyên viên tại các tổ chức, chương trình, dự án kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thủy sản và kinh tế biển;

4. Giảng viên/nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu liên quan đến kinh tế thủy sản;

5. Tự tổ chức các hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh các sản phẩm, vật tư thiết bị trong ngành thủy sản.

#### V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

<b>Thông tin tuyển sinh</b>	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
<b>Điều kiện nhập học</b>	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
<b>Quy định đào tạo</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
<b>Điều kiện tốt nghiệp</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

#### VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Cấu trúc chương trình	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>50</b>	<b>36,0</b>	<b>44</b>	<b>31,7</b>	<b>6</b>	<b>4,3</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	14,4	18	12,9	2	1,4
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	11	7,9	9	6,5	2	1,4
3	Ngoại ngữ	8	5,8	8	5,8	0	0,0
4	Thế chất và Quốc phòng – An ninh	11	7,9	9	6,5	2	1,4
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>	<b>64,0</b>	<b>80</b>	<b>57,6</b>	<b>9</b>	<b>6,5</b>
1	Cơ sở ngành	40	28,8	37	26,6	3	2,2
2	Ngành	39	28,0	33	23,7	6	4,3
3	Tốt nghiệp	10	7,2	10	7,2	0	0,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>139</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>89,2</b>	<b>15</b>	<b>10,8</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			139	Bắt buộc				11	13	14	17	20	16	15	10
				Tự chọn				-	2*	2*	-	2*	3*	6*	-
I	Giáo dục tổng quát		50												
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật		20												
Các HP bắt buộc			18					2	6	2	2	4		2	
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45					3						
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1				2					
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1					2				
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3								2	
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2,3						2			
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30								2			
Các HP tự chọn			2							2*					
9	SSH380	Văn hóa Việt Nam	2	30						2*					
10	SSH316	Tâm lý học đại cương	2	30						2*					
11	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30						2*					
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường		11												
Các HP bắt buộc			9					3		3	3				
12	MAT327	Toán 1	3	45				3							
13	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		12				3					
14	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30						3				
Các HP tự chọn			2									2*			
15	EPM320	Con người và môi trường	2	30								2*			
16	ENE318	Môi trường và phát triển	2	30								2*			
17	ENE334	Biến đổi khí hậu	2	30								2*			
I.3	Ngoại ngữ		8					4	4						
18		Ngoại ngữ 1	4					4							
19		Ngoại ngữ 2	4			18			4						
I.4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh		11												
Các HP bắt buộc			9					1							

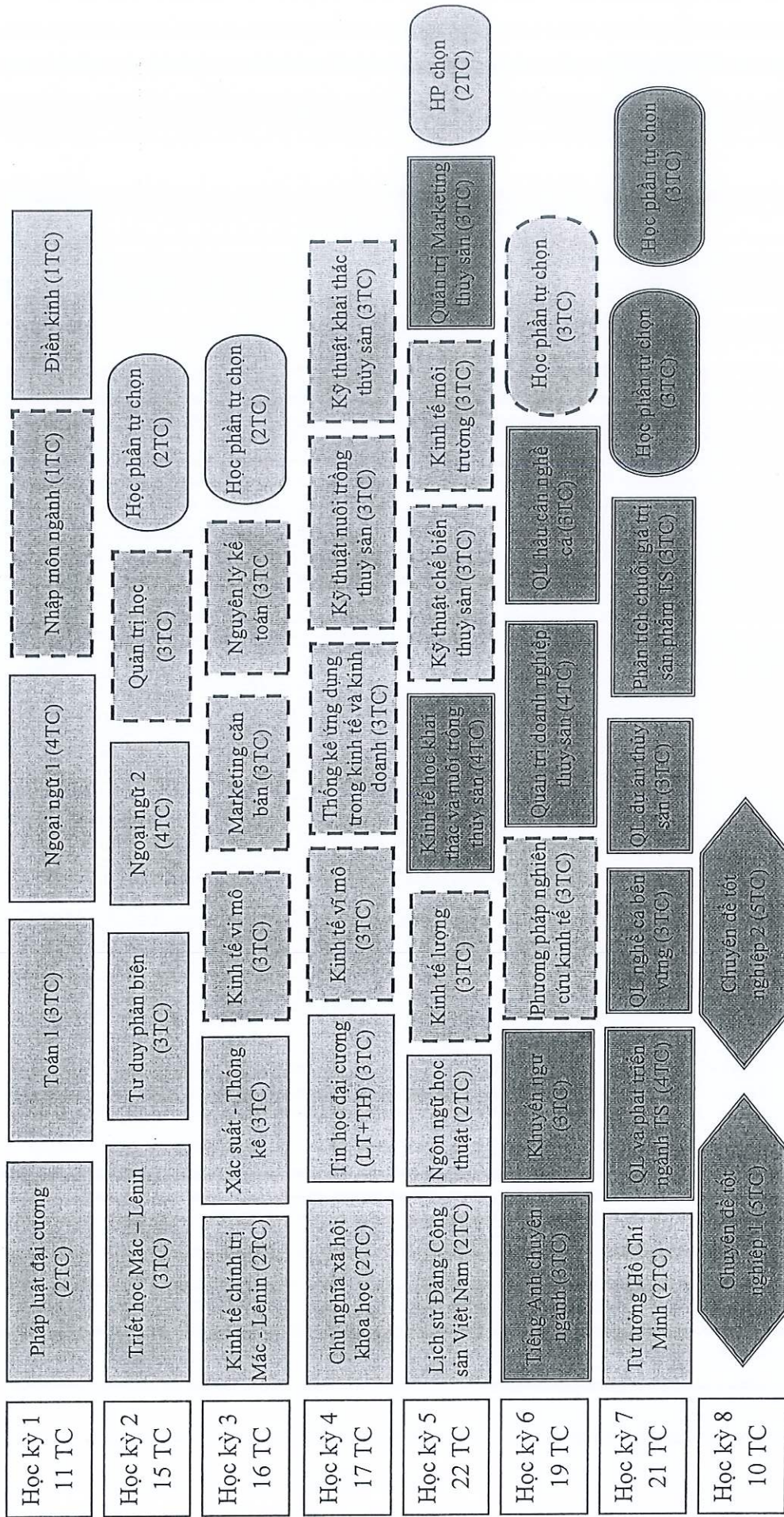
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ									
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8		
20	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45				8 <sup>1</sup>									
21	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30		20											
22	QPAD033	Quân sự chung	1	15		20											
23	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20	20											
24	85065	Điện kinh	1	5	10			1									
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>2</b>						<b>2*</b>								
25	85097	Bóng đá	1	5	10				<b>1*</b>								
26	85098	Bóng chuyền	1	5	10				<b>1*</b>								
27	85105	Cầu lông	1	5	10				<b>1*</b>								
28	85108	Taekwondo	1	5	10				<b>1*</b>								
29	85066	Bơi lội	1	5	10				<b>1*</b>								
30	851111	Aerobic	1	5	10				<b>1*</b>								
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>89</b>														
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>40</b>														
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>37</b>					<b>1</b>	<b>3</b>	<b>9</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>				
31		Nhập môn ngành	1					1									
32		Kinh tế vi mô	3							3							
33		Kinh tế vĩ mô	3			32					3						
34		Marketing căn bản	3							3							
35		Quản trị học	3						3								
36		Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3			13					3						
37		Nguyên lý kế toán	3								3						
38		Kinh tế lượng	3			13						3					
39		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3			38							3				
40		Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	3									3					
41		Kỹ thuật khai thác thủy sản	3									3					
42		Kỹ thuật chế biến thủy sản	3										3				
43		Kinh tế môi trường	3			33							3				
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>3</b>											<b>3*</b>			

<sup>1</sup> Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
44		Dự báo kinh tế và kinh doanh	3			38								3*		
45		Tin học ứng dụng trong kinh tế	3			14								3*		
46		Nghiên cứu Marketing	3			34								3*		
<b>II.2 Ngành</b>			<b>39</b>													
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>33</b>									7	13	13		
47		Tiếng Anh chuyên ngành	3			19								3		
48		Khuyến ngư	3			32								3		
49		Kinh tế học khai thác và nuôi trồng thủy sản	4			32						4				
50		Quản lý nghề cá bền vững	3			49									3	
51		Quản lý và phát triển ngành thủy sản	4			49									4	
52		Quản lý dự án thủy sản	3			49									3	
53		Quản lý hậu cần nghề cá	3			41								3		
54		Quản trị doanh nghiệp thủy sản	4			35								4		
55		Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản	3			52									3	
56		Quản trị Marketing thủy sản	3			34						3				
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>6</b>												6*	
57		Kinh tế phát triển	3			33									3*	
58		Quản lý tài nguyên biển	3			49									3*	
59		Quản lý tổng hợp vùng ven biển	3			41									3*	
60		Quản trị chất lượng sản phẩm thủy sản	3			36									3*	
61		Kinh doanh xuất nhập khẩu	3			34									3*	
62		Luật Thủy sản và Luật Biển Việt Nam	3			6									3*	
<b>II.3 Tốt nghiệp</b>			<b>10</b>													10
63		Chuyên đề tốt nghiệp 1	5													5
64		Chuyên đề tốt nghiệp 2	5													5

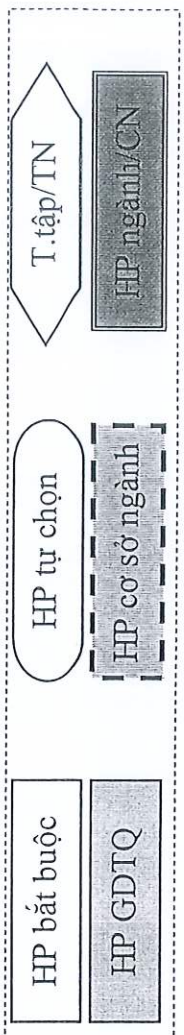
Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "\*" là của học phần tự chọn.

**7.2. Lưu đồ đào tạo**



**Ghi chú:** (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/viên:







<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>												
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>												
31	Nhập môn ngành	1			I	I	I					I	4I
32	Kinh tế vi mô	3			M								1M
33	Kinh tế vĩ mô	3			M								1M
34	Marketing căn bản	3			R								1R
35	Quản trị học	3			M								1M
36	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3			R	R							2R
37	Nguyên lý kế toán	3			R								1R
38	Kinh tế lượng	3			M								1M
39	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3			R		R	M	R	R			4R+1M
40	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	3			R		R	R	R	R			5R
41	Kỹ thuật khai thác thủy sản	3			R		R	R	R	R			5R
42	Kỹ thuật chế biến thủy sản	3			R		R	R	R	R			5R
43	Kinh tế môi trường	3			R		R	R	R	R			5R
44	<i>Dự báo kinh tế và kinh doanh</i>	3			x		x	x	x	x			x
45	<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>	3			x	x							x
46	<i>Nghiên cứu Marketing</i>	3			x		x	x	x	x			x
<b>II.2</b>	<b>Ngành</b>												
47	Tiếng Anh chuyên ngành	3			M				R	R	R		3R+1M
48	Khuyến ngư	3					M	R	R				2R+1M
49	Kinh tế học khai thác và nuôi trồng thủy sản	4						M	R	R			2R+1M
50	Quản lý nghề cá bền vững	3						M	M	M		R	1R+ 3M
51	Quản lý và phát triển ngành thủy sản	4						M	M	M			3M
52	Quản lý dự án thủy sản	3						R	R	R	M		3R+1M
53	Quản lý hậu cần nghề cá	3						R	M	M			1R+2M
54	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	4					M				R	R	2R+1M
55	Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản	3					R	R	R	M			3R+1M
56	Quản trị Marketing thủy sản	3			M	R		R	R				3R+1M
57	<i>Kinh tế phát triển</i>	3			x		x	x	x				x
58	<i>Quản lý tài nguyên biển</i>	3						x	x	x			x
59	<i>Quản lý tổng hợp vùng ven biển</i>	3						x	x	x			x
60	<i>Quản trị chất lượng sản phẩm thủy sản</i>	3					x	x					x
61	<i>Kinh doanh xuất nhập khẩu</i>	3					x						x
62	<i>Luật Thủy sản và Luật Biển VN</i>	3						x	x	x			x
<b>II.3</b>	<b>Tốt nghiệp</b>			R	R	M	M	M	M	M	R	M	3R+6M
	<b>Tổng</b>		8M	8I+ 3R+ 2M	1R+ 6M	1I+ 8R+ 6M	1I+ 3R+ 2M	1I+ 8R+ 5M	9R+ 5M	10R +5M	8R+ 1M	1I+ 4R+ 1M	
	<b>Chuẩn đầu ra</b>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

#### 7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

### IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

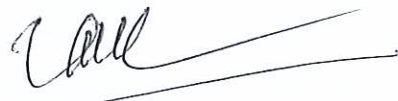
Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

  
Họ và tên: *Trần Thị Ngọc*

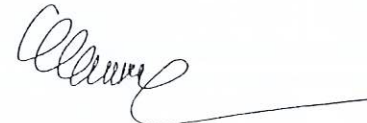
BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

  
Họ và tên: *Nguyễn Văn Ngọc*

HIỆU TRƯỞNG

  
  
Họ và tên: *Trần Thị Ngọc*

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT

  
Họ và tên: *Quách Hoài Nam*